

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/DS-ST

Ngày: 15-11-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoài Đức Huệ

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N

Địa chỉ: Số 198 T, phường L, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân C – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần N – Chi nhánh N.

Địa chỉ: Đường N, ấp Xóm Hố, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.(theo giấy ủy quyền ngày 18/6/2018)

Người đại diện theo ủy quyền của ông C:

- Ông Lê Quang A – Chức vụ: CB.KHBL, Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N. Địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Theo văn

bản ủy quyền ngày 18/4/2019)

- Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1983 – Chức vụ: CB. KHBL, Ngân hàng TMCP N – chi nhánh N. Địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 14/11/2019).

Bị đơn: Ông Hà Minh S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 29, ấp V, xã P (nay là: Tổ 1, khu phố V, phường P), thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Lê Quang A, bà Trần Thị Thu H và ông Hà Minh S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2019, các lời khai tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần N do ông Lê Quang A và bà Trần Thị Thu H đại diện trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần N – chi nhánh N và ông Hà Minh S đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2017665/KHBL-247 ngày 01/9/2017 với các nội dung cụ thể như sau:

Bên cho vay: Ngân hàng TMCP N – chi nhánh N. Bên vay: Ông Hà Minh S. Số tiền vay: 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Lãi suất vay: 11.5%/năm và được điều chỉnh theo thông báo thay đổi lãi suất cho vay của bên cho vay định kỳ hàng quý vào ngày đầu tiên của tháng đầu quý. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngày trả nợ gốc và lãi: Ngày 08 hàng tháng. Số tiền nợ gốc và lãi hàng tháng phải trả sẽ căn cứ vào lịch trả nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Khoản vay của ông S là khoản vay tín chấp không có tài sản bảo đảm.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Hà Minh S nhận đủ số tiền 110.000.000 đồng theo Giấy đề nghị rút vốn kèm giấy nhận nợ ngày 05/9/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hà Minh S thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 3.660.000 đồng. Kể từ ngày 18/11/2017 cho đến nay, Ngân hàng đã thông báo và yêu cầu ông S trả nợ theo đúng cam kết nhưng ông S vẫn cố tình không hoàn trả tiền lãi và gốc cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Hà Minh S phải trả số nợ gốc 106.340.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 24.463.389 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.394.229 đồng. Tổng số tiền ngân hàng yêu cầu ông Hà Minh S phải thanh toán là 133.197.618 đồng và toàn bộ tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông Hà Minh S thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tại phiên tòa, Ngân hàng rút lại yêu cầu khởi kiện về việc: Trường hợp ông Hà Minh S không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ (gốc, lãi vay, lãi phạt) theo

Hợp đồng tín dụng đã ký đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Hà Minh S để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai đã tổng đạt hợp lệ cho ông Hà Minh S các văn bản tố tụng sau: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo giao nộp chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông S đã không đến Tòa tham gia tố tụng hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu ông Hà Minh S thanh toán số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 2017665/KHBL-247 ký ngày 01/9/2017 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Tại mục 11.2 Điều 11 Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận giữa các bên: “Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này...các bên thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền của Việt Nam nơi Ngân hàng thương mại cổ phần N chi nhánh N có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện”, do đó, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 19/6/2019 tại công an phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai: “Ông Hà Minh S, sinh năm 1979 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 29, ấp V, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay, ông Hà Minh S vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, tuy nhiên ông S đã bán nhà và đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu”. Ông S thay đổi địa chỉ nhưng không thông báo cho Ngân hàng TMCP N nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa

án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Hà Minh S tại địa chỉ: tổ 29, ấp V, xã P (nay là tổ 1, khu phố V, phường P), thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Ông Hà Minh S đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Hợp đồng tín dụng số 2017665/KHBL-247 ngày 01/9/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N và ông Hà Minh S với nội dung: Ngân hàng TMCP N – chi nhánh N cho ông Hà Minh S vay số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Lãi suất vay: 11.5%/năm và được điều chỉnh theo thông báo thay đổi lãi suất cho vay của bên cho vay định kỳ hàng quý vào ngày đầu tiên của tháng đầu quý. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Ngày trả nợ gốc và lãi: Ngày 08 hàng tháng, số tiền nợ gốc và lãi phải trả hàng tháng căn cứ vào lịch trả nợ kèm theo hợp đồng tín dụng; Khoản vay của ông S không có tài sản bảo đảm. Việc giao kết hợp đồng tín dụng của các bên là đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận lãi suất của trong hợp đồng tín dụng nói trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực. Ngân hàng đã giải ngân cho ông S số tiền 110.000.000 đồng vào ngày 05/9/2019 nên ông Hà Minh S có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ khác theo các quy định đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Sau khi nhận tiền giải ngân, ông S đã thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 3.660.000 đồng. Từ ngày 18/11/2017, ông S đã không thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 5, Điều 9 của hợp đồng và đây là “sự kiện vi phạm” theo quy định tại Điều 10 của hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Hà Minh S phải thanh toán tiền nợ gốc là 106.340.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 24.463.389 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.394.229 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng rút lại yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Hà Minh S để thu hồi nợ trong trường hợp ông Hà Minh S không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ (gốc, lãi vay, lãi phạt) theo Hợp đồng tín dụng đã ký nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Về việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được áp dụng theo Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày

17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Hà Minh S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần N đối với bị đơn - ông Hà Minh S về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử buộc ông Hà Minh S phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền nợ gốc và lãi là 133.197.618 (một trăm ba mươi ba triệu một trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm mười tám) đồng, trong đó bao gồm:

Nợ gốc: 106.340.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Nợ lãi trong hạn: 24.463.389 đồng (hai mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng).

Và toàn bộ tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông Hà Minh S thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Hà Minh S để thu hồi nợ trong trường hợp ông Hà Minh S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Hà Minh S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc

điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Hà Minh S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Hà Minh S phải chịu 6.659.881 đồng (sáu triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.129.000 đồng (ba triệu, một trăm hai mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000654 ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Ngân hàng thương mại cổ phần N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hà Minh S được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang